

Số/No: 25/TN5/2217-01.02.03

Trang/Page: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

- Tên mẫu thử: Các mẫu nước sạch của nhà máy nước Mỹ Lộc.
- Khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước nông thôn Nam Định.
- Ngày nhận mẫu: 29/9/2025.
- Lượng mẫu, tình trạng mẫu: 200 mL/mẫu, đựng trong chai nhựa.
- Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 29/9/2025 đến ngày 02/10/2025.
- Ngày hoàn thành: 03/10/2025.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Ngưỡng giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả
I.	Mẫu nước sạch lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước (25/TN5/2217-M01)				
I.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)
II.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1 (Trần Ngọc Quế - Địa chỉ: TDP Bối Trung, phường Mỹ Lộc, tỉnh Ninh Bình) (25/TN5/2217-M02)				
II.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)
III.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2 (Đặng Đình Tuấn - Địa chỉ: TDP An Lộc, phường Mỹ Lộc, tỉnh Ninh Bình) (25/TN5/2217-M03)				
III.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)

Ghi chú: - QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 03 tháng 10 năm 2025



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test results are valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 25/TN5/2217-04.05.06

Trang/Page: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

- Tên mẫu thử: Các mẫu nước sạch của nhà máy nước Liên Bảo.
- Khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước nông thôn Nam Định.
- Ngày nhận mẫu: 29/9/2025.
- Lượng mẫu, tình trạng mẫu: 200 mL/mẫu, đựng trong chai nhựa.
- Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 29/9/2025 đến ngày 02/10/2025.
- Ngày hoàn thành: 03/10/2025.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Ngưỡng giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả
I.	Mẫu nước sạch lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước (25/TN5/2217-M04)				
I.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)
II.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1 (Trần Văn Nhân - Địa chỉ: Xóm 5, Thôn Định Trạch, phường Trường Thi, tỉnh Ninh Bình) (25/TN5/2217-M05)				
II.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)
III.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2 (Bùi Thị Thiết - Địa chỉ: Thôn Phố Xuân, xã Hiến Khánh, tỉnh Ninh Bình) (25/TN5/2217-M06)				
III.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)

Ghi chú: - QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 03 tháng 10 năm 2025



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test results are valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 25/TN5/2217-07,08,09

Trang/Page: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

- Tên mẫu thử: Các mẫu nước sạch của nhà máy nước Đại Thắng.
- Khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước nông thôn Nam Định.
- Ngày nhận mẫu: 29/9/2025.
- Lượng mẫu, tình trạng mẫu: 200 mL/mẫu, đựng trong chai nhựa.
- Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 29/9/2025 đến ngày 02/10/2025.
- Ngày hoàn thành: 03/10/2025.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Ngưỡng giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả
I.	Mẫu nước sạch lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước (25/TN5/2217-M07)				
I.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)
II.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1 (Vũ Thị Dung - Địa chỉ: Thôn Phong Vinh, xã Liên Minh, tỉnh Ninh Bình) (25/TN5/2217-M08)				
II.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)
III.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2 (Vũ Văn Thắng - Địa chỉ: Thôn Phong Vinh, xã Liên Minh, tỉnh Ninh Bình) (25/TN5/2217-M09)				
III.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)

Ghi chú: - QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 03 tháng 10 năm 2025



PHÓ GIÁM ĐỐC

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test results are valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Nguyễn Ngọc Tâm

Số/No: 25/TN5/2217-10,11,12

Trang/Page: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

1. Tên mẫu thử: Các mẫu nước sạch của trạm cấp nước Yên Lộc – thuộc CNCN Ý Yên.
2. Khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước nông thôn Nam Định.
3. Ngày nhận mẫu: 29/9/2025.
4. Lượng mẫu, tình trạng mẫu: 200 mL/mẫu, đựng trong chai nhựa.
5. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 29/9/2025 đến ngày 02/10/2025.
6. Ngày hoàn thành: 03/10/2025.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Ngưỡng giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả
I.	Mẫu nước sạch lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của trạm cấp nước trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước (25/TN5/2217-M10)				
I.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)
II.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1 (Bùi Văn Thiệp - Địa chỉ: xóm 14, xã Yên Cường, tỉnh Ninh Bình) (25/TN5/2217-M11)				
II.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)
III.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2 (Nguyễn Thị Đào - Địa chỉ: thôn Quyết Tiến, xã Yên Cường, tỉnh Ninh Bình) (25/TN5/2217-M12)				
III.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)

Ghi chú: - QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 03 tháng 10 năm 2025

GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Lâm

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test results are valid only for samples taken by customer.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 25/TN5/2217-13,14,15

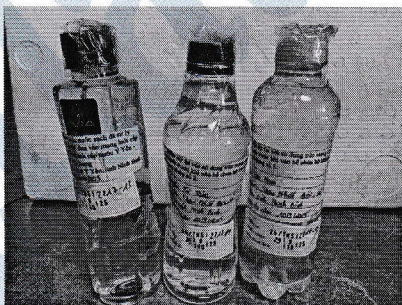
Trang/Page: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

- Tên mẫu thử: Các mẫu nước sạch của trạm cấp nước Yên Quang – thuộc CNCN Ý Yên.
- Khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước nông thôn Nam Định.
- Ngày nhận mẫu: 29/9/2025.
- Lượng mẫu, tình trạng mẫu: 200 mL/mẫu, đựng trong chai nhựa.
- Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 29/9/2025 đến ngày 02/10/2025.
- Ngày hoàn thành: 03/10/2025.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Ngưỡng giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả
I.	Mẫu nước sạch lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của trạm cấp nước trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước (25/TN5/2217-M13)				
I.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)
II.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1 (Vũ Văn Nam - Địa chỉ: thôn Nhất Đoài, xã Ý Yên, tỉnh Ninh Bình) (25/TN5/2217-M14)				
II.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)
III.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2 (Nguyễn Thị Tâm - Địa chỉ: thôn Nhất Đoài, xã Ý Yên, tỉnh Ninh Bình) (25/TN5/2217-M15)				
III.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)

Ghi chú: - QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 03 tháng 10 năm 2025
GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test results are valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 25/TN5/2217-16,17,18

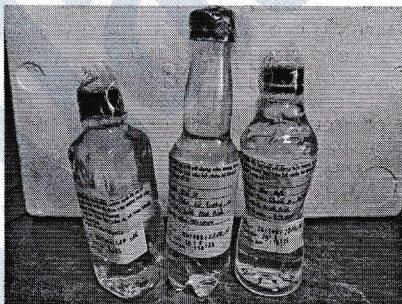
Trang/Page: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

- Tên mẫu thử: Các mẫu nước sạch của nhà máy nước Nam Dương.
- Khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước nông thôn Nam Định.
- Ngày nhận mẫu: 29/9/2025.
- Lượng mẫu, tình trạng mẫu: 200 mL/mẫu, đựng trong chai nhựa.
- Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 29/9/2025 đến ngày 02/10/2025.
- Ngày hoàn thành: 03/10/2025.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Ngưỡng giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả
I.	Mẫu nước sạch lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước (25/TN5/2217-M16)				
I.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)
II.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1 (Nguyễn Văn Nghi - Địa chỉ: thôn Chiền A, xã Nam Minh, tỉnh Ninh Bình) (25/TN5/2217-M17)				
II.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)
III.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2 (Nguyễn Văn Vi - Địa chỉ: thôn Xứ Trường, xã Nam Minh, tỉnh Ninh Bình) (25/TN5/2217-M18)				
III.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)

Ghi chú: - QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 03 tháng 10 năm 2025

GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Châu

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test results are valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 25/TN5/2217-19,20,21

Trang/Page: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

- Tên mẫu thử: Các mẫu nước sạch của nhà máy nước Nghĩa An.
- Khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước nông thôn Nam Định.
- Ngày nhận mẫu: 29/9/2025.
- Lượng mẫu, tình trạng mẫu: 200 mL/mẫu, đựng trong chai nhựa.
- Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 29/9/2025 đến ngày 02/10/2025.
- Ngày hoàn thành: 03/10/2025.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Ngưỡng giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả
I.	Mẫu nước sạch lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước (25/TN5/2217-M19)				
I.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)
II.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1 (Trần Văn Đông - Địa chỉ: thôn Đồng Tâm, phường Vị Khê, tỉnh Ninh Bình) (25/TN5/2217-M20)				
II.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)
III.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2 (Trần Văn Linh - Địa chỉ: thôn Tiên Phong I, phường Vị Khê, tỉnh Ninh Bình) (25/TN5/2217-M21)				
III.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)

Ghi chú: - QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 03 tháng 10 năm 2025



GIAM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test results are valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 25/TN5/2217-22,23,24

Trang/Page: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

- Tên mẫu thử: Các mẫu nước sạch của nhà máy nước Nghĩa Hưng.
- Khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước nông thôn Nam Định.
- Ngày nhận mẫu: 29/9/2025.
- Lượng mẫu, tình trạng mẫu: 200 mL/mẫu, đựng trong chai nhựa.
- Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 29/9/2025 đến ngày 02/10/2025.
- Ngày hoàn thành: 03/10/2025.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Ngưỡng giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả
I.	Mẫu nước sạch lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước (25/TN5/2217-M22)				
I.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)
II.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1 (Đình Văn Quỳnh - Địa chỉ: thôn Đông Liễu Đề, xã Nghĩa Hưng, tỉnh Ninh Bình) (25/TN5/2217-M23)				
II.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)
III.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2 (Vũ Thị Liên - Địa chỉ: thôn Tân Thọ Liễu Đề, xã Nghĩa Hưng, tỉnh Ninh Bình) (25/TN5/2217-M24)				
III.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)

Ghi chú: - QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 03 tháng 10 năm 2025



NGƯỜI GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Lâm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test results are valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 25/TN5/2217-25,26,27

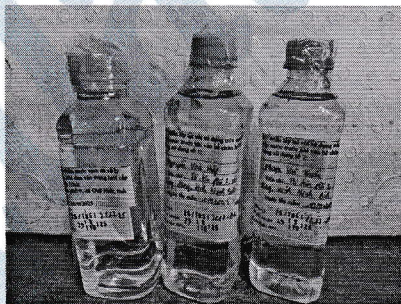
Trang/Page: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

- Tên mẫu thử: Các mẫu nước sạch của nhà máy nước Quỳ Nhất.
- Khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước nông thôn Nam Định.
- Ngày nhận mẫu: 29/9/2025.
- Lượng mẫu, tình trạng mẫu: 200 mL/mẫu, đựng trong chai nhựa.
- Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 29/9/2025 đến ngày 02/10/2025.
- Ngày hoàn thành: 03/10/2025.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Ngưỡng giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả
I.	Mẫu nước sạch lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước (25/TN5/2217-M25)				
I.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)
II.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1 (Nguyễn Văn Hiệp - Địa chỉ: tổ dân phố 2, xã Rạng Đông, tỉnh Ninh Bình) (25/TN5/2217-M26)				
II.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)
III.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2 (Phạm Văn Thuận - Địa chỉ: tổ dân phố 9, xã Rạng Đông, tỉnh Ninh Bình) (25/TN5/2217-M27)				
III.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)

Ghi chú: - QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 03 tháng 10 năm 2025



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test results are valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 25/TN5/2217-28,29,30

Trang/Page: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

- Tên mẫu thử: Các mẫu nước sạch của nhà máy nước Xuân Tân.
- Khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước nông thôn Nam Định.
- Ngày nhận mẫu: 29/9/2025.
- Lượng mẫu, tình trạng mẫu: 200 mL/mẫu, đựng trong chai nhựa.
- Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 29/9/2025 đến ngày 02/10/2025.
- Ngày hoàn thành: 03/10/2025.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Ngưỡng giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả
I.	Mẫu nước sạch lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước (25/TN5/2217-M28)				
I.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)
II.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1 (Nguyễn Văn Khang - Địa chỉ: xóm 13, xã Xuân Giang, tỉnh Ninh Bình) (25/TN5/2217-M29)				
II.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)
III.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2 (Phạm Thị Nụ - Địa chỉ: xóm 13, xã Xuân Giang, tỉnh Ninh Bình) (25/TN5/2217-M30)				
III.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)

Ghi chú: - QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 03 tháng 10 năm 2025

GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Lâm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test results are valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 25/TN5/2217-31,32,33

Trang/Page: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

- Tên mẫu thử: Các mẫu nước sạch của nhà máy nước Xuân Trường.
- Khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước nông thôn Nam Định.
- Ngày nhận mẫu: 29/9/2025.
- Lượng mẫu, tình trạng mẫu: 200 mL/mẫu, đựng trong chai nhựa.
- Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 29/9/2025 đến ngày 02/10/2025.
- Ngày hoàn thành: 03/10/2025.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Ngưỡng giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả
I.	Mẫu nước sạch lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước (25/TN5/2217-M31)				
I.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)
II.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1 (Phạm Cảnh Tùng - Địa chỉ: thôn Liên Trung, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình) (25/TN5/2217-M32)				
II.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)
III.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2 (Nguyễn Văn Minh - Địa chỉ: thôn Liên Trung, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình) (25/TN5/2217-M33)				
III.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)

Ghi chú: - QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 03 tháng 10 năm 2025



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test results are valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 25/TN5/2217-34,35,36,37

Trang/Page: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

- Tên mẫu thử: Các mẫu nước sạch của chi nhánh cấp nước Giao Thủy.
- Khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước nông thôn Nam Định.
- Ngày nhận mẫu: 29/9/2025.
- Lượng mẫu, tình trạng mẫu: 200 mL/mẫu, đựng trong chai nhựa.
- Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 29/9/2025 đến ngày 02/10/2025.
- Ngày hoàn thành: 03/10/2025.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Ngưỡng giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả
I.	Mẫu nước sạch lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của chi nhánh cấp nước trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước (25/TN5/2217-M34)				
I.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0.003)
II.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1 (Trịnh Thị Thim - Địa chỉ: xóm 7, Thọ Nghiệp, xã Xuân Hưng, tỉnh Ninh Bình) (25/TN5/2217-M35)				
II.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0.003)
III.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2 (Lê Trung Hiếu - Địa chỉ: thôn Duyên Thọ, xã Giao Hưng, tỉnh Ninh Bình) (25/TN5/2217-M36)				
III.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0.003)
IV.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 3 (Phạm Văn Thắng - Địa chỉ: xóm Mỹ Bình, xã Giao Hưng, tỉnh Ninh Bình) (25/TN5/2217-M37)				
IV.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0.003)

Ghi chú: - QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 03 tháng 10 năm 2025



NGƯỜI GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Lâm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test results are valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.